TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Nguyễn Văn Ngữ
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô.
Ông Nguyễn Quang Vinh.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2017 về vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Bình Thanh H, sinh năm: 1984 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1982 (vắng mặt).
Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã Q, huyện L, t.Bắc Giang.
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bình Thanh Hưng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M năm 2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm làm ăn kinh tế của vợ chồng không hợp nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Hiện chị M đang phải chấp hành án 04 năm tù tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bình Bảo L, sinh ngày 19/01/2008 và Bình Bảo N, sinh ngày 104/2010. Hiện các cháu đều khỏe mạnh,

phát triển bình thường và đang ở cùng ông bà ngoại tại Hải Phòng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc ở xa, anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Chị Nguyễn Thị Tuyết M là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời khai của anh H về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì chị phát hiện anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị vẫn bỏ qua tất cả để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay chị đang phải chấp hành án phạt tù nên anh H xin ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không có ý kiến gì.

Vì hiện chị đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang nên chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là anh Bình Thanh H, bị đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh H, chị M.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bình Thanh H và chị Nguyễn Thị Tuyết M kết hôn với nhau năm 2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, một phần là do tính cách, quan điểm làm ăn kinh tế của vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Hiện chị M đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị M không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, một trong hai bên không muốn duy trì quan hệ hôn nhân, do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bình Bảo L, sinh ngày 19/01/2008 và Bình Bảo N, sinh ngày 104/2010. Hiện các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết còn chị M không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. *Về án phí:* Anh Bình Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bình Thanh H ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết M.

[2].Về án phí: Anh Bình Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004018 ngày 05/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh Bình Thanh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Lạng Giang*;
- *THADS huyện Lạng Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Q;*
- *Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Nguyễn Văn Ngữ